

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/HS-ST
Ngày 09/7/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Ngọc Lâm

Ông Điều Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2024 và Thông báo về việc dời phiên tòa số 39/2024/TB – TA ngày 27/6/2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Quốc H, sinh năm 2001 tại Bình Phước;

HKTT: Số nhà 41/7, thôn S, xã H, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị N; Có 01 người con tên Nguyễn Ngọc T3 N1 sinh ngày 09/8/2019 (con ngoài giá thú); có 02 anh em, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án: Ngày 01/4/2022, bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 15 (Mười lăm) tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại Bản án số 10/2022/HSST; tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 24/7/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội lạm dụng chiếm đoạt tài sản tại bản án số 36/2019/HSST, tổng H với hình phạt 09 (chín) tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại bản án số 06/2019/HSST. Buộc chấp hành chung hình phạt 18 (mười tám) tháng tù; Bị bắt tạm giam từ ngày 26/3/2024 cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Trần Văn T, sinh năm 1982, trú tại: khu phố 2, phường M, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1989, trú tại: khu phố 1, phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Ngọc Quang T2, sinh năm 1995, trú tại: khu phố 1, phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

2. Anh Trần Đình C, sinh năm 1992, trú tại: khu phố H, thị trấn P, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Chí T3, sinh năm 1991, trú tại: khu phố 5, phường M, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

2. Anh Tạ Quốc H2, sinh năm: 2003, trú tại: thôn Phước Quả, xã Phước Tín, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 23/01/2024, Nguyễn Quốc H và Nguyễn Ngọc Quang T2 rủ nhau lên khu vực Đồi 230 thuộc khu phố 5, phường M, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước để tìm củ điều. H điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu xanh bạc biển kiểm soát 93K1 – 153.24 còn T2 điều khiển xe ba gác đi từ nhà T2 ở khu phố 1, phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước đi đến vườn điều của người dân ở trên Đồi 230. Khi đến trước cổng Ban chỉ huy quân sự thị xã Phước Long (cũ), H và T2 rẽ xuống đường đất đi được khoảng 50m thì đến khu vực vườn điều của anh Trần Văn T thì H phát hiện có 02 tấm tôn để dưới chân trụ điện cao thế không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định lấy trộm mang về nhà T2 để chặn chỗ đất bị sạt lở. H nói với T2 thì T2 đồng ý. T2 dừng xe ba gác ở đầu đường còn H đi vào vác 02 tấm tôn ra đặt lên xe ba gác để T2 chở về nhà. Khi T2 và H lên tới đường nhựa trước cổng Ban chỉ huy quân sự thị xã Phước Long cũ thì bị anh Trần Đình C – cán bộ Ban chỉ huy quân sự thị xã Phước Long chặn lại kiểm tra. Thấy vậy, T2 điều khiển xe ba gác tẩu thoát, trong quá trình bỏ chạy thì T2 vứt bỏ hai tấm tôn xuống lề đường trước khu vực nhà máy nước thị xã Phước Long rồi tiếp tục điều khiển xe ba gác chạy về hướng chân núi Bà Rá bỏ lại xe ba gác tại một vườn điều rồi đi bộ về nhà, còn H bị anh C giữ lại và báo công an phường M đến làm việc.

Tang vật chứng thu giữ: 02 tấm tôn bằng sắt đã qua sử dụng; 01 tấm có kích thước 112cm x 311cm và 01 tấm có kích thước 112cm x 350cm. Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius màu xanh bạc, biển 93K1 – 153.24.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 07/HĐ.ĐGTSTTTHS.24 ngày 05/2/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS thị xã Phước Long kết luận: Giá trị tại thời điểm ngày 03/01/2024 của 02 tấm tôn bằng sắt đã qua sử dụng là 144.000đ (Một trăm bốn mươi bốn ngàn đồng).

Ngày 21/3/2024, Nguyễn Quốc H bị khởi tố bị can để điều tra.

Bản cáo trạng số 38/CTr-VKS-PL ngày 24/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long đã truy tố Nguyễn Quốc H về “Tội trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo H về Tội trộm cắp tài sản; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38, Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo H từ 12 (Mười hai) đến 16 (Mười sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét, giải quyết.

Về vật chứng: 02 tấm tôn bằng sắt đã qua sử dụng là tài sản H pháp của ông Trần Văn T, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Phước Long đã ra quyết định xử lý vật chứng cho ông T nên không đề cập xử lý.

Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius màu xanh bạc, biển 93K1 – 153.24, quá trình điều tra xác định là tài sản H pháp của bà Nguyễn Thị Ngọc T1. Bà T1 không biết H sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên đề nghị trả lại cho bà T1.

- Bị cáo H tự bào chữa: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn về hành vi của mình, bị cáo còn con nhỏ phải gửi cha mẹ trông nom khi bị cáo đi làm, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm trở về.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phước Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều H pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù H với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù H với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Ngày 23/01/2024, bị cáo H cùng với Nguyễn Quang Ngọc T2 đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại T là 02 tấm tôn bằng sắt đã qua sử dụng, có giá trị 144.000đ (Một trăm bốn mươi bốn ngàn đồng). Tuy tài sản do bị cáo H và T2 chiếm đoạt có giá trị nhỏ, nhưng do bị cáo H đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản, chưa bị xoá án tích nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành Tội trộm cắp tài sản, Viện kiểm sát truy tố và luận tội bị cáo theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; ngoài ra còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội ở địa phương. Bị cáo nhận T rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân bị cáo đã cố ý thực hiện. Bị cáo đã nhiều lần bị xét xử về các tội xâm phạm quyền sở hữu, đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xoá án tích, bị cáo không lấy đó làm bài học cảnh tỉnh cho mình mà lại tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo có thái độ coi thường pháp luật. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt thật nghiêm, tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra là cần thiết, nhằm giáo dục bị cáo có ý T tôn trọng pháp luật, tôn trọng tài sản của người khác và phòng ngừa chung.

[4] Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Thành khẩn khai báo”, “Tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại”; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ông T, bà T1 không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không xem xét.

[7] Đối với Nguyễn Ngọc Quang T2 do hành vi trộm cắp tài sản của T2 không đủ yếu tố cấu thành tội nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phước Long đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T2 là đúng, nên không xem xét lại.

Đối với Nguyễn Thị Ngọc T1 do không biết H sử dụng xe mô tô của mình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên không đề cập xử lý.

[8] Về vật chứng vụ án: 02 tấm tôn bằng sắt đã qua sử dụng là tài sản H pháp của ông Trần Văn T, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Phước Long đã ra quyết định xử lý vật chứng cho ông T là đúng, nên không xem xét lại.

Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius màu xanh bạc, biển 93K1 – 153.24, quá trình điều tra xác định là tài sản H pháp của bà Nguyễn Thị Ngọc T1. Bà T1 không biết H sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên trả lại cho bà T1.

Đối với xe ba gác: Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Phước Long đã tiến hành truy tìm, xác minh nhưng không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

[9] Quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, hình phạt đối với bị cáo, về xử lý vật chứng là có căn cứ, phù H với qui định pháp luật, phù H với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 38, 50 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc H phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/3/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự

Trả lại xe mô tô hiệu Yamaha Sirius loại Sirius màu xanh bạc biển kiểm soát 93K1 – 153.24 cho Nguyễn Thị Ngọc T1.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 09/7/2024).

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- Bị cáo; Bị hại; NLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt